

Số: 46 /2015/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 25 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung trong Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015 - 2019**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015 - 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung trong Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/2014/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung trong Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12

năm 2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015 - 2019, cụ thể theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức chính trị xã hội và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lae*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Đắk Nông;
- TT. HĐND các huyện, thị xã;
- UBND các huyện, thị xã;  
(sao gửi UBND các xã, phường, thị trấn trực thuộc);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, NN (Th).

*62*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Signature]*  
**Nguyễn Bón**



**PHỤ LỤC**  
**CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ HỦY BỎ**  
 (Kèm theo Quyết định số: 46 /2015/QĐ-UBND ngày 25 /12/2015  
 của UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Sửa đổi tên vị trí đất trồng cây lâu năm tại xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

- Bảng xác định vị trí đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Đắk Song

STT	Đơn vị hành chính	Vị trí đất trồng cây lâu năm	Vị trí đất trồng cây lâu năm (sửa đổi)
5	Xã Thuận Hạnh	Vị trí 3: Thuận Bình, Thuận Hải, Thuận Hưng, <i>Thuận Hưng</i>	Vị trí 3: Thuận Bình, Thuận Hải, Thuận Hưng, <i>Thuận Đồng</i>

2. Sửa đổi tên vị trí đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

- Bảng xác định vị trí đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Cư Jút

STT	Vị trí đất nông nghiệp trong Bảng giá đất nông nghiệp tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cư Jút	Vị trí đất nông nghiệp trong Bảng giá đất nông nghiệp tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cư Jút (sửa đổi)
	Đất xen kẽ trong khu dân cư	Đất các khu vực

3. Sửa đổi tên gọi một số đoạn đường, tên đường trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

3.1. Tại địa bàn thị trấn Đắk Mil

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến	Từ	Đến
30	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung
		Đường Quang Trung	<i>Đường Lê Lợi</i>	Đường Quang Trung	<i>Đường Phan Bội Châu</i>
53	Đường vành đai Hồ Tây (TDP 5)	Hoa Viên	Ngã 3 đường Bà Triệu	<i>Đường Nguyễn Du</i>	<i>Hết đất Nhà ông Trịnh Hùng Trang</i>
		Ngã 3 đường Bà Triệu	Hết vành đai đường Hồ Tây	<i>Hết đất Nhà ông Trịnh Hùng Trang</i>	<i>Giáp ranh xã Thuận An</i>

3.2. Tại địa bàn xã Đắk Lao

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến	Từ	Đến
3	Quốc lộ 14C	Giáp đường Trường Trần Phú đi QL14C	Hết Lâm trường Đắc Mil (Công ty Đại Thành)	<i>Giáp đường Trần Phú đi QL14C</i>	Hết Lâm trường Đắc Mil (Công ty Đại Thành)
		Lâm trường Đắc Mil	Đập 6B	Lâm trường Đắc Mil	Đập 6B
		Đập 6B	Hết Trạm Biên phòng Đắc Ken	Đập 6B	Hết Trạm Biên phòng Đắc Ken
		Trạm Biên phòng Đắc Ken	Trạm Biên phòng Đắc Ken + 500 m	Trạm Biên phòng Đắc Ken	<i>Hết quy hoạch khu dân cư</i>
19	Đường nội thôn	Ngã 3 nhà ông Lộc	Đường Trần Phú	Ngã 3 nhà ông Lộc	Đường Trần Phú
		Đường thôn 8, 9A	Nhà ông Thanh	<i>Đường thôn 8B, 9A</i>	<i>Hết đất nhà ông Thanh</i>
		Nhà bà Hồng	Nhà ông Anh	Nhà bà Hồng	<i>Hết đất nhà ông Anh</i>
		Quốc lộ 14	Thôn 10A, 10B	Quốc lộ 14	<i>Thôn 10B</i>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Tên đường (sửa đổi)	Đoạn đường (sửa đổi)	
		Từ	Đến		Từ	Đến
4	Đường liên xã	<i>Cây xăng Anh Tuấn</i>	Ngã 3 nhà bà Đoàn Thị Nam	Đường liên xã	<i>Giáp thôn 5 xã Đắc Lao</i>	Ngã 3 nhà bà Đoàn Thị Nam
11	<i>Đường thôn 8, thôn 9</i>	Ngã 4 nhà Ba Đôn	Đường Quốc lộ 14C	<i>Đường thôn 8A, 8B, thôn 9A</i>	Ngã 4 nhà Ba Đôn	Đường Quốc lộ 14C
12	<i>Đường thôn 8</i>	<i>Ngã 3 mẫu giáo thôn 8</i>	Giáp Quốc lộ 14C (Công ty Đại Thành)	<i>Đường thôn 8a</i>	<i>Ngã 3 mẫu giáo thôn 8a</i>	Giáp Quốc lộ 14C (Công ty Đại Thành)

3.3. Sửa đổi tên gọi các tỉnh lộ, quốc lộ trong Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đắc Nông, như sau:

- Tỉnh lộ 1 thành Tỉnh lộ 681;



- Tỉnh lộ 2 thành Tỉnh lộ 682;
- Tỉnh lộ 3 thành Tỉnh lộ 683;
- Tỉnh lộ 4 thành Tỉnh lộ 684;
- Quốc lộ 14 A thành Quốc lộ 14.

4. Hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung giá đất ở trên một số đoạn đường, tuyến đường thuộc địa bàn xã Đắc Sôr, xã Nam Xuân, xã Năm N'Đir và xã Quảng phú, huyện Krông Nông, tỉnh Đắk Nông

4.1. Sửa đổi, bổ sung giá đất các đoạn đường thuộc địa bàn xã Đắc Sôr, xã Nam Xuân, xã Quảng phú

**Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>**

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá	Đơn giá (sửa đổi)
		Từ	Đến		
<b>VIII.3</b>	<b>Xã Đắc Sôr</b>				
1	Đường Tỉnh lộ 684	Hết đất ông Võ Thứ	Giáp ranh giới xã Nam Đà	550	400
		Đất ở các khu vực còn lại trên đường Tỉnh lộ 684		550	400
<b>VIII.10</b>	<b>Xã Nam Xuân</b>				
2	Đường Tỉnh lộ 683	Cuối thôn Đắc Xuân nhà ông Vi Văn Tiến	Ngã 3 Trường Nguyễn Bá Ngọc +200m	250	380
<b>VIII.6</b>	<b>Xã Quảng Phú</b>				
4	Đường nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah	Ngã 3 đường vào thủy điện	Hết nhà ông Bảo	320	150
		Ngã 3 đường vào thủy điện	Cầu Nam Ka	320	150
5	Đường vào khu tái định cư thủy điện	Km 0 (Ngã 3 đường vào thủy điện)	Km 0 + 100m (hướng bến nước Buôn K'tăh)	320	150

4.2. Hủy bỏ 01 khu vực giá đất ở khu dân cư còn lại tại xã Năm Nung, bổ sung 01 khu vực giá đất ở khu dân cư còn lại tại xã Năm N'Đir

+ Hủy bỏ 01 khu vực giá đất ở khu dân cư còn lại tại xã Năm Nung

**Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>**

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>VIII.9</b>	<b>Xã Năm Nung</b>			
9	Đất khu dân cư còn lại tại bon Đắc P'Rí, thôn Quảng Hà, thôn Nam Thanh.			70

+ Bổ sung 01 khu vực giá đất ở khu dân cư còn lại tại xã Năm N'Đir

**Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>**

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
VIII.5	Xã Nâm N'Đir			
4	Đất khu dân cư còn lại tại bon Đăk P'Rí, thôn Quảng Hà, thôn Nam Thanh.			70

5. Sửa đổi giá đất ở trên một số đoạn đường, tuyến đường trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa

5.1. Sửa đổi giá đất ở 01 đoạn đường, tuyến đường phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Phú, thị xã Gia Nghĩa

**Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>**

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá	Đơn giá (Sửa đổi)
		Từ	Đến		
I	Thị xã Gia Nghĩa				
I. 1.	Phường Nghĩa Tân				
21	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc Nam giai đoạn 2)	Đường 23/3	Suối Đăk Nông (cũ)	1.500	1.950
I. 2.	Phường Nghĩa Phú				
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh xã Quảng Thành	Khách sạn Hồng Liên	830	1000

5.2. Bổ sung mới 02 đoạn đường và tuyến đường chưa có trong bảng giá đất tại địa bàn phường Nghĩa Tân; 01 khu tái định cư tại phường Nghĩa Phú, thị xã Gia Nghĩa, cụ thể như sau

**Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>**

STT	NỘI DUNG			Đơn giá
	Tên đường	Đoạn đường		
		Từ	Đến	
I	Thị xã Gia Nghĩa			
I. 1.	Phường Nghĩa Tân			
23	Quốc lộ 14 cũ	Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ	Đường Nguyễn Tất Thành	1.200
24	Đường nội bộ khu tái định cư Công an tỉnh (tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành thuộc tổ dân phố 4)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết các đường nội bộ	1.530
I. 2.	Phường Nghĩa Phú			
14	Đường nội bộ khu tái định cư Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Gia Nghĩa			450

5.3. Sửa đổi, bổ sung, chia 02 (đoạn đường và tuyến đường) thành 03 (đoạn đường và tuyến đường) đồng thời điều chỉnh tăng giá đất 02 đoạn đường, tuyến đường



chia tách. Sửa đổi, bổ sung tên của 02 tuyến đường thuộc đường nội thôn tại địa bàn xã Quảng Thành, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đoạn đường (sửa đổi, bổ sung)		Đơn giá	Đơn giá (sửa đổi, bổ sung)
		Từ	Đến	Từ	Đến		
<b>I.1 Xã Quảng Thành</b>							
1	Quốc lộ 14	Ranh giới huyện Đắc Song	Đến đầu đường đôi (đường Nguyễn Tất Thành)	Ranh giới huyện Đắc Song	Đến hết đất cây xăng dầu Quang Phước	430	
		Đầu đường đôi	Giáp ranh giới phường Nghĩa Thành	Hết đất cây xăng dầu Quang Phước	Đến đầu đường đôi (đường Nguyễn Tất Thành)	480	700
				Đầu đường đôi	Giáp ranh giới phường Nghĩa Thành		1.000
2	Đường liên thôn	Đường vành đai Quảng Thành (giáp phường Nghĩa Phú)	Giáp Đắc R'moan			200	250
3	Đường nội thôn	Đất ở khu dân cư còn lại thôn Nghĩa Tín, Nghĩa Hòa, Tân Tiến, Tân Lập, Tân		Đất ở khu dân cư còn lại thôn Nghĩa Tín, Nghĩa Hòa, Tân Tiến, Tân Lập, Tân Thịnh (đường thông 2 đầu)		150	
		Đất ở khu dân cư còn lại thôn Nghĩa Tín, Nghĩa Hòa, Tân Tiến, Tân Lập, Tân		Đất ở khu dân cư còn lại thôn Nghĩa Tín, Nghĩa Hòa, Tân Tiến, Tân Lập, Tân Thịnh (đường cụt)		110	

5.4. Sửa đổi, bổ sung tăng giá đất ở 04 đoạn đường thuộc phường Nghĩa Đức

Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá	Đơn giá (Sửa đổi, bổ sung)
		Từ	Đến		
<b>I.3</b>	<b>Phường Nghĩa Đức</b>				

10	Trần Phú (Tỉnh lộ 684 cũ)	Km 0 (Đường 23/3)	Km 1	1.200	
		Km 1	Km 2	900	1.000
		Km 2	Km 4	600	900
11	Tỉnh lộ 684	Km 4 (tiếp giáp với đường Trần Phú)	Km 6 (giáp ranh xã Đắk Ha)	400	600
29	Khu tái định cư B	Nội tuyến đường nhựa		700	850

5.4. Hủy bỏ 02 tên đường thuộc phường Nghĩa Đức và phường Nghĩa Thành

Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>I.3</b>	<b>Phường Nghĩa Đức</b>			
7	Đường vào Địa chất cũ	Tiếp giáp đường xuống Cầu Bà Thống	Vào 200 m (vào trạm bơm)	400

Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>I.4</b>	<b>Phường Nghĩa Thành</b>			
21	Đường Tôn Đức Thắng (Trục Bắc - Nam và một đoạn Hai Bà Trưng cũ)	Hết đường Bắc - Nam (đã xây dựng giai đoạn 1)	Ngã ba Nguyễn Tri Phương và Chu Văn An	2.000

6. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 và Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông.